TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 11, 11/03 – 15/03/2024

Thị trường nỗ lực duy trì tại vùng kháng cự

Tiêu điểm:

- Chỉ số PPI của Mỹ tăng 0.6% so với tháng trước, cao hơn nhiều so với dự báo tăng 0.3% của các chuyên gia và cũng vượt mức 0.3% của tháng 1. Nếu so với cùng kỳ, PPI tổng thể tăng 1.6%, là mức mạnh nhất kể từ tháng 9/2023.
- Trong phiên ngày 18/9, tỷ giá bán ra USD tại các ngân hàng thương mại tiếp tục tăng. Tỷ giá tại Vietcombank vượt qua mốc 24.900 VND/USD, phá vỡ kỷ lục ghi nhận hồi tháng 10/2022.
- Tổng cộng 4 phiên vừa qua (tính từ 11-3 đến 14-3), NHNN đã phát hành tín phiếu và hút ròng gần 60,000 tỷ đồng.

Đánh giá: Chỉ số PPI của Mỹ tăng cao đã khiến Fed thận trọng hơn trong việc cắt giảm lãi suất. Điều này khiến đồng USD tăng, dẫn đến các ngân hàng trong nước tiến hành điều chỉnh tỷ giá, đồng thời chính phủ cũng có những động thái phát hành tín phiếu nhằm duy trì tỷ giá ổn định. Điều này khiến thị trường gia tăng rủi ro khi khối ngoại liên tục bán ròng trong tuần qua.

Góc nhìn kĩ thuật: Trên đồ thị tuần, VNINDEX đóng cửa tại 1,263 (+16.43 điểm, +1.32%) với thanh khoản tiếp tục duy trì ở mức cao. Tuần qua, VNINDEX đã có sự biến động mạnh mẽ khi chỉ số đang duy trì sát vùng kháng cự gần nhất. Nhìn chung thị trường vẫn duy trì xu hướng tăng trong trung hạn. Tuy nhiên chỉ số RSI đang nằm tại vùng quá mua kết hợp với việc thị trường đang nằm gần vùng kháng cự 1,270 – 1,280 cho thấy những rủi ro tiềm ẩn khi thị trường đã có chuỗi tăng điểm dài trong thời gian vừa qua.

Ý tưởng đầu tư: Nhà đầu tư nên duy trì trạng thái thận trọng khi thị trường đang ở vùng kháng cự và chịu nhiều biến động lớn. Nhà đầu tư ưu tiên việc quản trị rủi ro và chốt lời đối với những mã cổ phiếu đã đạt kỳ vọng.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,264	1.3	5.1	14.6	11.8		16.3	1.8	208
Upcom Index	91	0.1	1.4	7.4	5.0		12.6	1.3	49
HNX Index	240	1.4	2.9	5.5	3.7		23.2	1.3	12
VN30 Index	1,256	0.5	3.2	14.5	11.0		12.6	1.7	146
S&P 500 Index	5,150	0.5	2.4	9.1	8.0		24.7	4.7	44,912
STOXX Europe 600 Index	506	0.6	3.6	6.2	5.7		14.8	2.1	14,735
Hang Seng	16,721	2.2	4.9	-0.4	-1.9		8.9	1.0	2,542
Nikkei 225	38,708	-2.5	1.4	17.4	15.7		27.8	2.2	4,633
SHCOMP Index	3,055	0.3	6.6	3.8	2.7		14.0	1.3	6,414
STI Index	3,174	0.8	-0.1	1.8	-2.1		11.2	1.1	364
KOSPI Index	2,667	-0.5	2.0	4.0	0.4		1.4	1.0	1,608

Nguồn: Bloomberg



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lê Đức Tiến
(84-28) 6299 8011
tien.ld@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất
Bấm vào hình hoặc quét QR

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	1.4	5.7	13.2	-1.3	8.6	47.3	77.4	-2.4	14.1	1.8	4,519,478
Mid Cap	4.3	7.8	14.8	15.5	28.8	65.9	21.5	2.6	20.6	1.3	551,088
Small Cap	-5.2	-3.6	1.3	-9.5	-8.4	2.5	1.1	-0.1	28.8	0.6	68,378

Theo ngành

Tên ngành	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Hóa chất	12.0	28.0	41.7	11.0	16.7	87.0	5.1	0.4	27.2	2.2	252,219
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	10.5	16.4	19.5	10.5	30.4	73.4	5.8	0.5	15.5	1.5	155,710
Công nghệ Thông tin	5.3	10.5	18.3	10.8	24.2	71.6	2.0	0.2	23.6	3.8	162,380
Hàng cá nhân & Gia dụng	5.2	10.0	17.9	11.5	59.4	105.0	1.6	0.1	15.9	2.0	62,864
Xây dựng và vật liệu	4.4	6.6	9.0	-3.2	7.6	43.4	6.1	-0.3	22.9	1.2	137,859
Truyền thông	4.3	3.0	-7.4	62.3	32.9	82.8	0.1	0.0	30.9	1.0	1,982
Tài chính	3.7	11.1	21.2	4.4	22.5	69.1	18.2	0.4	24.1	1.8	219,649
Dầu khí	3.4	8.8	10.9	18.2	23.0	97.8	1.3	0.2	23.5	2.3	66,071
Tiện ích	1.8	5.3	9.6	11.9	26.6	77.6	1.4	0.1	16.1	2.0	321,367
Bán lẻ	1.2	7.5	16.6	1.1	38.8	91.6	4.7	0.0	220.7	3.5	108,475
Thực phẩm và đồ uống	1.2	8.7	6.6	11.1	23.3	69.2	9.5	0.8	24.6	2.4	444,745
Ô tô & Phụ tùng	1.2	1.2	9.4	65.1	69.7	76.5	0.5	0.2	19.3	1.2	15,983
Dược và Y tế	1.1	4.6	6.0	6.8	16.1	51.5	0.1	0.0	14.5	2.0	36,734
Ngân hàng	0.1	2.2	16.6	-9.0	-11.9	12.4	16.9	-2.0	10.0	1.6	2,004,527
Bất động sản	-0.1	4.2	3.7	-0.6	11.5	50.4	19.0	-0.5	6.9	1.2	778,200
Tài nguyên cơ bản	-0.1	4.7	7.3	-0.3	5.4	30.5	7.1	-0.2	32.4	1.5	227,174
Du lịch và Giải trí	-0.8	1.6	0.2	2.4	15.6	11.5	0.4	0.0	n.a	20.3	96,688
Bảo hiểm	-1.8	4.2	8.3	-0.3	21.9	81.6	0.2	0.0	14.6	1.5	44,124

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**3,498**	-10.9	-47.3	-162.2	-176.2
Nước ngoài	**2,477**	-5.2	-21.3	-122.4	-10.6
VanEck Vectors Vietnam ETF	552	0.0	1.3	-0.6	70.6
Fubon FTSE Vietnam ETF	910	2.6	14.7	35.4	85.7
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	439	0.0	-13.3	-103.2	-187.3
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	355	-7.8	-22.8	-23.0	47.6
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	192	0.0	0.0	-29.2	-24.1
Premia MSCI Vietnam ETF	14	0.0	-1.2	-1.8	-2.7
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	5	0.0	0.0	0.0	-0.4
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**1,022**	-5.7	-26.1	-39.8	-165.6
DCVFMVN Diamond ETF	570	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	321	-3.8	-24.4	-22.2	-65.2
SSIAM VNFIN LEAD ETF	89	-1.9	-1.6	-16.3	-99.9
MAFN VN30 ETF	25	0.0	-0.1	-0.5	-1.5
SSIAM VNX50 ETF	6	0.0	0.0	-0.8	-0.9
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	6	0.0	0.0	0.0	1.9

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	-6,066	-33,134	-67,495
Ấn độ	2,222	4,421	1,763	1,763
Indonesia	572	591	1,771	1,771
Nhật Bản*	2,561	4,452	29,014	29,014
Maylaysia	-55	-417	5	5
Philippines	22	65	273	273
Hàn Quốc	-773	-339	8,034	8,034
Sri Lanka	0	-5	-17	-17
Đài Loan	-497	3,204	8,027	8,027
Thái Lan	60	-35	-823	-823
Việt Nam	-52	-52	-101	-101

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

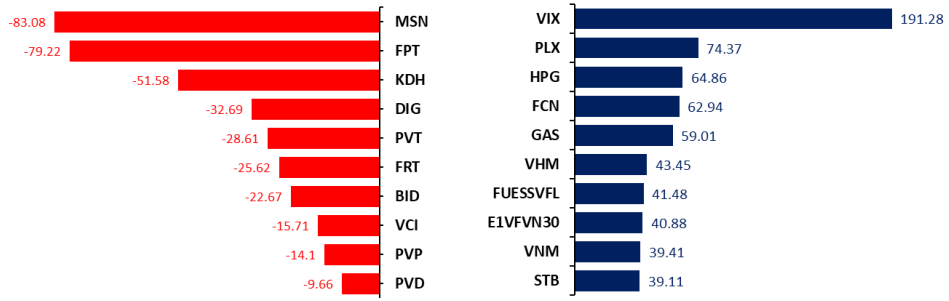
Chú thích:

WTD: từ đầu tuần
MTD: từ đầu tháng
QTD: từ đầu quý
YTD: từ đầu năm

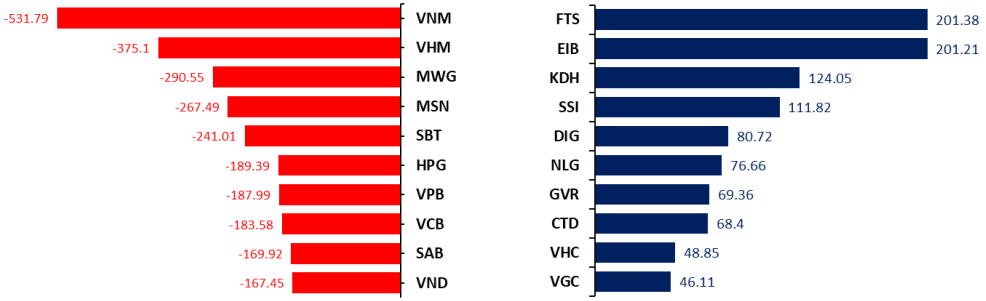
WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	23	-365	298	68
Tài nguyên Cơ bản	65	-301	421	-120
Truyền thông	0	7	-8	1
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-60	-41	243	-202
Y tế	-2	9	-7	-2
Hóa chất	-10	-55	29	25
Dịch vụ tài chính	243	112	-271	159
Du lịch và Giải trí	20	-79	50	30
Ngân hàng	130	-303	189	114
Xây dựng và Vật liệu	64	-36	-64	100
Thực phẩm và đồ uống	-6	-1,162	822	340
Bán lẻ	-4	-332	350	-18
Điện, nước & xăng dầu khí đ	61	-127	-65	191
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1	38	-45	6
Công nghệ Thông tin	-83	24	37	-61
Ô tô và phụ tùng	-9	-24	45	-21
Bảo hiểm	13	-8	-3	11
Dầu khí	65	35	-33	-2
Tổng	511	-2,607	1,987	620

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Shinhan Securities

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX *

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	BTP	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.65 - 20.65	16.7	-15.9%
2	LAF	Thực phẩm và đồ uống	10.45 - 17.50	14.5	-13.7%
3	SFG	Hóa chất	7.64 - 16.05	13.4	-9.5%
4	L10	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	17.70 - 27.40	18.3	-8.3%
5	CLW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	25.10 - 47.00	34.9	-6.9%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
25.0%	11.8	7.30 - 14.50	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	TCO
21.2%	38.3	18.50 - 38.30	Hàng cá nhân & Gia dụng	GIL
19.3%	34.6	14.10 - 34.60	Hóa chất	GVR
19.1%	40.6	24.75 - 41.00	Hóa chất	DPR
16.2%	34.6	22.43 - 35.65	Hàng cá nhân & Gia dụng	STK

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	ATS	Du lịch và Giải trí	8.50 - 19.80	8.5	-21.3%
2	DPC	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	7.10 - 15.00	7.1	-19.3%
3	VCM	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	12.20 - 29.10	12.3	-18.0%
4	VTH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	5.80 - 11.90	7.5	-11.8%
5	HMH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	9.50 - 16.40	13.6	-10.5%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
56.9%	8.0	3.30 - 10.90	Hàng cá nhân & Gia dụng	CET
37.4%	18.0	6.80 - 18.00	Xây dựng và Vật liệu	VC6
27.7%	14.3	10.40 - 39.90	Truyền thông	SGD
26.2%	34.7	2.80 - 34.70	Xây dựng và Vật liệu	MCO
24.8%	14.6	10.20 - 15.40	Xây dựng và Vật liệu	TA9

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	DTB	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	9.40 - 22.70	10.3	-28.5%
2	VFC	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	45.00 - 97.70	63.1	-27.5%
3	HPH	Hóa chất	9.20 - 18.60	9.2	-27.0%
4	SQC	Tài nguyên Cơ bản	4.20 - 21.30	8.8	-25.4%
5	LUT	Xây dựng và Vật liệu	11.20 - 40.80	12.6	-24.1%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
80.0%	6.3	2.70 - 6.30	Thực phẩm và đồ uống	BLF
46.3%	6.0	3.40 - 7.60	Xây dựng và Vật liệu	E29
40.9%	12.4	5.77 - 17.48	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	BMF
38.6%	7.9	1.50 - 9.70	Thực phẩm và đồ uống	ICF
35.6%	54.9	16.54 - 63.00	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VTK

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá (nghìn VND)	Biến động 52 tuần	%1W
1	SMB	CTCP Cảng Quy Nhơn	Thực phẩm và đồ uống	533.1	349.9	36.8	34.55 - 41.85	0.5
2	CTR	Công trình Viettel	Xây dựng và Vật liệu	64,668.3	229.0	118.5	55.20 - 123.00	12.6
3	DPR	Cao su Đồng Phú	Hóa chất	55,597.7	192.8	40.6	24.75 - 41.00	19.1
4	LIX	Bột giặt LIX	Hàng cá nhân & Gia dụng	2,975.6	179.8	67.7	40.80 - 71.40	5.9
5	SGT	Sài Gòn Telecom	Công nghệ Thông tin	417.8	135.4	12.1	10.60 - 16.60	1.3
6	HAX	Ô tô Hàng Xanh	Ô tô và phụ tùng	10,421.5	130.0	15.2	12.65 - 17.20	4.8
7	SBT	Mía đường Thành Thành Công - Biên Hòa	Thực phẩm và đồ uống	70,102.0	123.7	12.6	12.10 - 17.75	-3.8
8	HDC	Phát triển Nhà BR-VT	Bất động sản	136,194.7	92.2	33.4	23.92 - 41.35	9.0
9	ADS	Dệt sợi DAMSAN	Hàng cá nhân & Gia dụng	11,809.0	91.8	14.2	9.87 - 17.60	11.8
10	VPD	Phát triển Điện lực Việt Nam	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	401.6	91.7	25.4	21.70 - 29.20	0.0

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

WEEKLY SNAPSHOT
Những dữ liệu vĩ mô khác

Tỷ giá

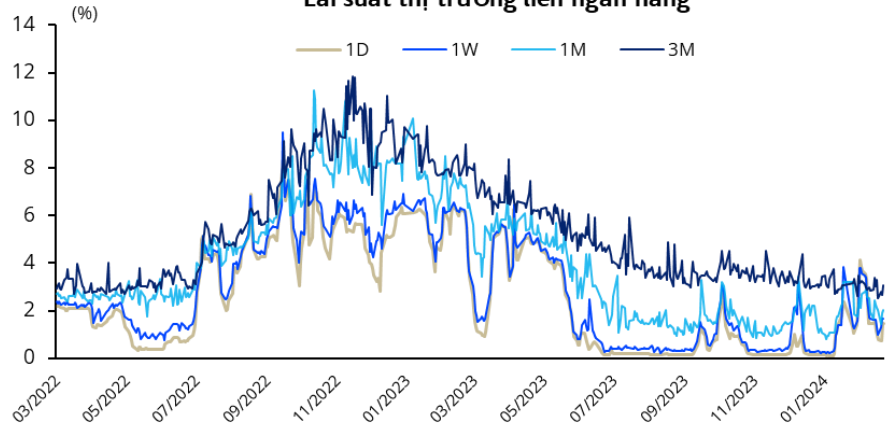
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dollar index	103.31	0.6	-0.9	0.7	2.0	
VND/USD	24,720	0.3	1.1	1.9	1.9	
KRW/USD	1,329.90	0.8	-0.3	2.6	3.2	
JPY/USD	148.74	1.1	-0.8	4.6	5.5	
EUR/USD	0.92	0.4	-1.1	0.0	1.3	
SGD/USD	1.34	0.5	-0.6	0.3	1.3	
CNY/USD	7.20	0.1	0.0	1.0	1.4	

Hàng hóa

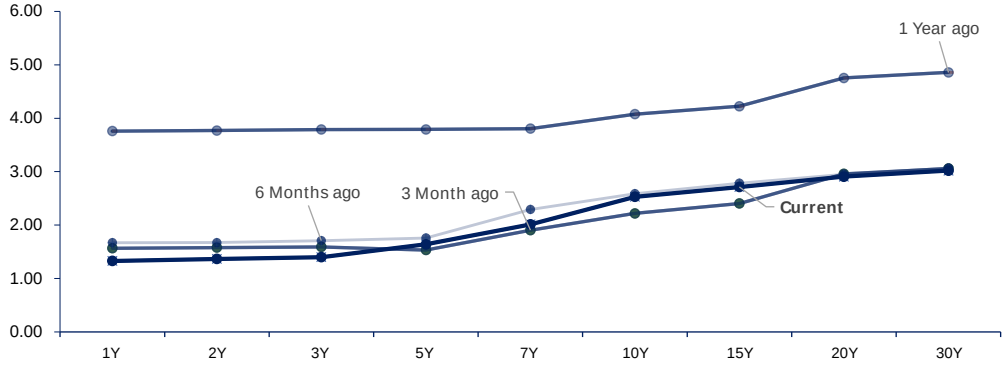
	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dầu thô	80.81	3.6	3.6	13.1	12.8	
Xăng	269.73	6.7	16.3	26.2	28.3	
Gas	1.76	-2.5	11.3	-29.3	-30.0	
Than	131.50	-3.0	9.8	-9.6	-10.2	
Vàng	2,170.20	-0.4	8.3	7.5	5.2	
Bạc	25.08	3.1	9.4	5.1	5.4	
Platinum	938.65	2.6	4.2	-0.6	-5.4	
Quặng sắt	110.94	-6.0	-14.1	-18.0	-18.6	
Thép cán	3,792.00	-3.6	-6.1	-6.4	-7.0	
Lúa mì	533.00	1.2	-6.0	-15.3	-15.1	
Ngô	433.25	1.6	3.7	-10.3	-8.1	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.33	1.37	1.40	1.64	2.01	2.53	2.71	2.40	2.78
Thay đổi (BPS)*	4.20	5.50	6.30	8.60	6.00	2.20	-0.50	0.40	-3.10

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Shinhan Securities

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo tuân thủ & Miễn trừ trách nhiệm

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.